TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ NINH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **30**/2021/HNGĐ-ST Ngày 19/3/2021 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM

-Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Kim Anh và bà Huỳnh Thị Bích Phi

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mận - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 160/2020/TLST-HNGĐ, ngày 08/12/2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/3/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Phạm Thị Bích L, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- **Bị đơn**: ÔngHồ Văn L, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Phạm Thị Bích L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hồ Văn L tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình vào năm 1994 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Lộc, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng bà luôn xảy ra bất đồng, mâu thuẫn do ông L thường xuyên ngược đãi, hành hạ và đánh đập bà. Bà đã từng làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông L nhận thấy sai trái và xin đoàn tụ nên bà đã rút đơn lại. Tuy nhiên, sau khi rút đơn về thì ông L vẫn không thay đổi. Đến nay, bà thấy bà không thể tiếp tục chung sống với ông L được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về nuôi con chung: Vợ chồng bà có 03 con chung là Hồ Thị P, sinh năm 1995; Hồ Văn H, sinh năm 1998 và Hồ Văn T, sinh ngày 12/5/2005. Các cháu P và H đã thành niên và phát triển bình thường nên bà không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu T khi ly hôn bà có nguyện vọng nhận nuôi và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung:

- 01 ngôi nhà cấp bốn và khoảng hơn 06 sào đất vườn trị trá 360.000.000 *(Ba trăm sáu mươi triệu)* đồng nằm trên thửa đất số 58, tờ bản đồ số 14; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI273731 cấp ngày 29/6/2007, tại thôn C, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- 06 ha rừng trị giá khoảng 180.000.000 *(Một trăm tám mươi triệu)* đồng, gồm:

+ Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 14, diện tích 3.964m^2 đang trồng keo 10 tháng tuổi, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI273731 cấp ngày 29/6/2007;

+ Thửa đất số 698, 745, tờ bản đồ số 02, diện tích 17.599m^2 đang trồng keo 30 tháng tuổi, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 935376 cấp ngày 14/9/2011; vị trí đất tại hố Xung Mang, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

+ Thửa đất số 728, tờ bản đồ số 02, diện tích 8.454m^2 đang trồng keo 20 tháng tuổi, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 935377 cấp ngày 14/9/2011; vị trí đất tại hố Nước, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

+ Thửa đất số 461, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.937m^2 đang trồng keo 32 tháng tuổi, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 935374 cấp ngày 14/9/2011; vị trí đất tại hố ông Mãnh, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

+ Thửa đất số 647, tờ bản đồ số 02, diện tích 922m^2 đang trồng keo 6 năm tuổi, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 935375 cấp ngày 14/9/2011; vị trí đất tại hố ông Mãnh, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam;

+ Thửa đất số 181, 443, 480 tờ bản đồ số 14, diện tích 864m^2 đất trồng lúa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K073587 cấp ngày 06/5/1998, vị trí đất tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam;

- 04 con trâu: 01 trâu mẹ 08 năm tuổi, 01 trâu 04 năm tuổi, 02 trâu con 06 tháng tuổi, trị giá tổng cộng khoảng 55.000.000 *(Năm mươi lăm triệu)* đồng;

- 02 con bò: 01 bò mẹ 08 năm tuổi, 01 bò con 06 tháng tuổi, trị giá tổng cộng khoản 13.000.000 *(Mười ba triệu)* đồng;

- Tiền mặt 150.000.000 *(Một trăm năm mươi triệu)* đồng gửi tại Ngân hàng Sacombank chi nhánh Quảng Nam.

Tổng cộng giá trị tài sản chung khoảng: 758.000.000 *(Bảy trăm năm mươi tám triệu)* đồng.

Về nợ chung: Không có.

Đối với tài sản chung, trong quá trình hòa giải vợ chồng bà tự thỏa thuận giải quyết nên bà xin rút lại không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và các lời khai tiếp theo, bị đơn ông Hồ Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân, con chung. Ông thừa nhận có đánh bà L một lần nhưng đó không phải là nguyên nhân dẫn đến bà L xin ly hôn mà nguyên nhân bà L xin ly hôn là do nhiều lý do khác trong cuộc sống. Việc bà L ly hôn sẽ ảnh hưởng đến con và dòng họ nên ông không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Ông và bà L có 03 người con chung nhưng 02 người đã thành niên và tự lao động sinh sống được nên ông không yêu cầu giải quyết. Đối với con Hồ Văn T, sinh ngày 12/5/2005, ông cũng có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu bà L cấp dưỡng.

Về chia tài sản: Ông yêu cầu Tòa án chia tài sản chung khi giải quyết ly hôn giữa ông với bà L.

Về nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục tố tụng, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Bích L ly hôn với ông Hồ Văn L. Về nuôi con: Giao cháu Hồ Văn T, sinh ngày 12/5/2005 cho bà L nuôi dưỡng. Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ và ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị Bích L khởi kiện về ly hôn, nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng pháp luật. Ông Hồ Văn L có nơi cư trú tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam nên căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông L xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam vào năm 1994 là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông L có hành vi bạo lực đối với bà L, theo kết quả xác minh tại Hội Phụ nữ xã T, huyện P là có cơ sở. Trong quá trình hòa giải ông L không những không có thiện chí đoàn tụ gia đình mà còn có lời nói xúc phạm và có hành vi xô xát đối với

bà L, làm cho bà L luôn lo sợ bị bạo lực. Hiện nay bà L không thể ở trong gia đình mà phải thuê nhà nơi khác để ở và nuôi con. Xét thấy, mâu thuẫn của bà L và ông L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho bà L ly hôn với ông L là đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về nuôi con chung: Bà L và ông L có 03 người con chung nhưng 02 người đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết. Đối với cháu Hồ Văn T, sinh ngày 12/5/2005, bà L và ông L đều có nguyện vọng nuôi con là chính đáng. Tuy nhiên, cháu T có nguyện vọng ở với mẹ và hiện nay cháu T đang học tập, sinh sống cùng với bà L tại thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Vì vậy, giao cháu T cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của con và đúng quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về chia tài sản chung và nợ chung:

Về chia tài sản chung: Bà L yêu cầu chia tài sản chung nhưng trong quá trình giải quyết, tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, bà L và ông L thống nhất tự thỏa thuận giải quyết và bà L đã rút lại yêu cầu chia tài sản chung. Vì vậy, tại phiên toà, ông L không có quyền yêu cầu phản tố về chia tài sản chung nên không chấp nhận yêu cầu của ông L là đúng quy định tại Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông L có quyền làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết bằng một vụ án khác về chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Bà L phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn của bà Phạm Thị Bích L.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Bích L ly hôn với ông Hồ Văn L.

Về nuôi con chung: Giao cháu Hồ Văn T, sinh ngày 12/5/2005 cho bà Phạm Thị Bích L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi. ÔngHồ Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Phạm Thị Bích L phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 9.475.000 (*Chín triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0003976 ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Bà L được hoàn trả số tiền chênh lệch là 9.175.000 (*Chín triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn*) đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/3/2021) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Phú Ninh;
- Chi cục THADS huyện Phú Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- UBND xã T, h.P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Trung Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**